

NĂNG LỰC NỘI SINH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

PHẠM VĂN VANG*

Hiện nay ở nước ta có khoảng 1.102 tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ, trong đó, 507 tổ chức thuộc sở hữu Nhà nước; khoảng 50.000 người làm việc trực tiếp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay có hơn 2 triệu người có trình độ đại học và cao đẳng, 16.000 thạc sĩ, 14.000 tiến sĩ đang làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế - xã hội. Trong đó, lực lượng chuyên nghiệp trực tiếp làm công tác nghiên cứu khoa học trong các tổ chức nghiên cứu và triển khai (R&D) khoảng 22.000 người. Cũng như nhiều nước đang phát triển, chúng ta chưa có một hệ thống thống kê đầy đủ và thống nhất để có thể đưa ra các số liệu đáng tin cậy về nguồn lực khoa học và công nghệ. Mặc dù vậy, có thể khẳng định, số lượng lao động trực tiếp tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học *chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số lao động có trình độ đại học, cao đẳng trở lên hiện có*. Đây là tỷ lệ thấp so với các nước trong khu vực và càng thấp hơn so với các nước phát triển trên thế giới.

Về chất lượng lao động, trong giai đoạn đổi mới vừa qua, trình độ học vấn của cán bộ khoa học - công nghệ ở các cơ sở nghiên cứu đã được cải thiện. Năng lực lớp cán bộ ở độ tuổi 30-40 và 40-50 ở các viện nghiên cứu, trường đại học đã vượt lên nhanh chóng, bước đầu khắc phục được tình trạng hụt hẫng về cán bộ. Tuy vậy, chất lượng đào tạo chưa đồng đều, *thiếu hụt các chuyên gia đầu ngành, cán bộ khoa học có trình độ quốc tế đang là nguy cơ lớn đối với*

* TS. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

nền khoa học - công nghệ nước nhà. Thêm vào đó, tuổi bình quân của đội ngũ cán bộ, nhất là các nhà khoa học đầu ngành ở một số lĩnh vực còn rất cao. Đội ngũ cán bộ lại mất cân đối trong cơ cấu đào tạo; chế độ sử dụng và đãi ngộ đang còn nhiều bất cập làm suy giảm lòng ham mê, sáng tạo của một bộ phận cán bộ khoa học, làm hạn chế tầm nhìn, khả năng dự báo cũng như năng lực giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trên quy mô quốc gia. Vì thế, những đóng góp của khoa học - công nghệ hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu của giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Ở nước ta hiện nay, các tổ chức nghiên cứu và đào tạo cán bộ khoa học tập trung nhiều ở hai thành phố lớn: Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các Viện nghiên cứu, học viện đầu ngành quốc gia, các trường đại học lớn. Đương nhiên, một số viện nghiên cứu và trường đại học còn phân bố ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và một số thành phố lớn khác. Đối với Thủ đô Hà Nội, có thể nói là trung tâm văn hóa, khoa học và công nghệ mạnh của cả nước. Phần lớn các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện quốc gia đầu ngành được hình thành và phát triển ở đây. Các cơ quan nghiên cứu và đào tạo lớn của nước ta như Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khoa học - Công nghệ Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội đều có lịch sử xây dựng và trưởng thành từ hơn nửa thế kỷ trở lên. Chúng tôi chỉ đề cập sau đây 02 cơ quan nghiên cứu và đào tạo tiêu biểu: Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh đóng trên địa bàn Hà Nội, nhằm làm rõ một phần năng lực nội sinh và hội nhập quốc tế của các tổ chức khoa học - công nghệ ở nước ta hiện nay.

I. Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã có lịch sử xây dựng và trưởng thành 55 năm kể từ cơ quan tiền thân: *Ban nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học*. Hiện nay Viện đã có một hệ thống 30 viện nghiên cứu đa ngành và chuyên ngành bao gồm gần như đầy đủ các lĩnh vực nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn. Hệ thống tổ chức khoa học này, bên cạnh những tổ chức nghiên cứu về những vấn đề khoa học xã hội và nhân văn ở trong nước, còn có những tổ chức nghiên cứu về những vấn đề khoa học xã hội và nhân văn của thế giới và khu vực, kể cả một số quốc gia lớn trên thế giới. Trong việc tổ chức nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn ở trong nước, ngoài các viện đi sâu nghiên cứu trong từng lĩnh vực khoa học xã hội như kinh tế, xã hội học, dân tộc học, tôn giáo, văn học, ngôn ngữ học,... còn có các viện nghiên cứu về khoa học xã hội vùng, như miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Vì vậy, Viện Khoa học xã hội Việt Nam hiện nay được coi là *một trong 2 trung tâm quốc gia lớn về 02 lĩnh vực khoa học cơ bản của nước ta: khoa học xã hội và nhân văn; khoa học tự nhiên và công nghệ*.

Nếu đi sâu hơn nữa về mặt tổ chức khoa học, trong cơ cấu tổ chức của các viện nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc, viện nghiên cứu nào cũng hình thành một hệ thống các phòng nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng, nhiệm vụ riêng. Hệ thống các phòng này được tổ chức theo hướng nghiên cứu

cơ bản kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, kết hợp nghiên cứu với đào tạo trong từng lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Xét theo quan điểm phát triển tổng thể, tổ chức khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam hiện nay *đã được phát triển vừa theo chiều rộng (bao gồm tương đối đầy đủ các lĩnh vực nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn) vừa theo chiều sâu (thể hiện trong mỗi lĩnh vực đã được hình thành hệ thống các phòng nghiên cứu chuyên sâu rất đa dạng và phong phú)* có thể kết hợp, hỗ trợ, bổ sung cho nhau trong quá trình tổ chức nghiên cứu và hoạt động khoa học. Đây là kết quả của quá trình xây dựng và lựa chọn mô hình tổ chức khoa học hợp lý và hiệu quả thông qua thực tiễn hoạt động 55 năm đối với từng lĩnh vực khoa học xã hội.

Đứng trên phương diện vĩ mô, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, ngoài hệ thống 30 viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành, đa ngành và tổng hợp, còn có 3 cơ quan sự nghiệp khác, 05 tổ chức giúp việc Chủ tịch Viện thực hiện nhiệm vụ quyền hạn.

Xét trên quan điểm hệ thống, ngoài việc *tổ chức khoa học theo chiều dọc - hình thành hệ thống các viện nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc nói trên, Viện còn có tổ chức khoa học theo chiều ngang - đã hình thành các hệ thống tổ chức các cơ quan phục vụ nghiên cứu khoa học.* Đó là (1) hệ thống 30 thư viện và thông tin - tư liệu, trong đó có 2 thư viện tổng hợp, đa ngành (2) Hệ thống 27 tạp chí khoa học và nếu kể cả các phụ trương xuất bản bằng tiếng Anh của một số tạp chí, thì Viện Khoa học xã hội Việt Nam có tới 33 “tờ” tạp chí khoa học (3) Hệ thống 17 cơ sở đào tạo sau đại học, trong đó 6 cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo 2 cấp: thạc sĩ và tiến sĩ, 11 cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo cấp tiến sĩ. Ngoài ra còn có hệ thống các phòng thí nghiệm, thực nghiệm khoa học đối với một số lĩnh vực nghiên cứu mang tính đặc thù như khảo cổ học, tâm lý học, ngôn ngữ học...

Tính đến thời điểm hiện nay, Viện Khoa học xã hội Việt Nam hiện có 1.420 cán bộ viên chức. Trong số 897 cán bộ nghiên cứu, có 125 giáo sư và phó giáo sư, 273 tiến sĩ khoa học và tiến sĩ, 250 thạc sĩ. Cán bộ có trình độ học hàm, học vị chiếm hơn 40% tổng số cán bộ viên chức. Nếu tính riêng cán bộ nghiên cứu, tỷ lệ này đạt trên 58,3%, một số viện chuyên ngành còn đạt tới 65-75%. Đây là kết quả của một quá trình tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng lâu dài và sự vươn lên của đội ngũ cán bộ khoa học của Viện. Đội ngũ cán bộ khoa học có học hàm, học vị nói trên là những cán bộ có kinh nghiệm giảng dạy đại học, sau đại học. Lực lượng cán bộ này hiện đang tham gia giảng dạy tại 17 cơ sở đào tạo sau đại học của Viện và nhiều trường đại học, học viện trong cả nước. Một số nhà khoa học được mời giảng dạy tại một số trường đại học và cao học ở nước ngoài. Từ năm 1978, Viện được Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học. Từ đó đến nay, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã đào tạo cho cả nước 1.386 tiến sĩ và thạc sĩ về các chuyên ngành khoa học xã hội. Phần lớn đội ngũ cán bộ này hiện

đang giữ các trọng trách tại nhiều cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương, các địa phương, Viện nghiên cứu khoa học, trường đại học và các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Họ đã và đang phát huy khả năng nghiên cứu khoa học của mình vào các hoạt động nghiên cứu và hoạt động thực tiễn của xã hội. Họ đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu chuyên môn và tham gia đào tạo nguồn nhân lực và đang từng bước trở thành những chuyên gia đầu ngành về khoa học xã hội ở khắp mọi miền đất nước. Hiện nay, 17 cơ sở đào tạo sau đại học của Viện đang đào tạo cho cả nước hơn 800 nghiên cứu sinh và học viên cao học về các chuyên ngành khoa học xã hội.

Hiện nay, Viện đã xây dựng Tờ trình Thủ tướng Chính phủ kèm theo Đề án thành lập Học viện Đào tạo nguồn nhân lực trực thuộc Viện và chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện để triển khai thực hiện sau khi được Thủ tướng phê duyệt. Trước mắt cũng như lâu dài, Viện Khoa học xã hội Việt Nam sẽ tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học có trình độ cao: thạc sĩ, tiến sĩ và đội ngũ các chuyên gia đầu ngành, bổ sung cho các viện mới thành lập, cũng như các viện trọng điểm sớm trở thành các viện quốc gia đầu ngành, tăng cường năng lực nội sinh và hội nhập khu vực và quốc tế.

Đi đôi với nhiệm vụ đào tạo, công tác nghiên cứu khoa học được Viện Khoa học xã hội Việt Nam đặt lên hàng đầu, vì đó là cơ sở để cung cấp các luận cứ khoa học, góp phần hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ.

Giai đoạn trước Đổi mới, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã tiếp tục phát huy thế mạnh về các lĩnh vực nghiên cứu khoa học nhân văn vốn bắt nguồn từ truyền thống văn hiến của dân tộc. Từ sau Đổi mới, hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện *tập trung lực lượng triển khai mạnh mẽ về các vấn đề khoa học xã hội, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp tới đường lối đổi mới, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đó cũng là bước đột phá đánh dấu sự chuyển biến quan trọng trong việc đổi mới phương thức hoạt động khoa học của Viện, đi đôi với việc đổi mới tư duy lý luận, khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội do Đại hội VI của Đảng đề ra.* Sự chuyển hướng nghiên cứu này ngày càng được chú trọng phát triển và đi vào chiều sâu sau Đại hội VII, Đại hội VIII; Đại hội IX và Đại hội X với hệ thống các chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ nhằm nghiên cứu và giải đáp nhiều vấn đề có tầm chiến lược đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ năm 1991 đến nay Viện liên tục được Nhà nước giao chủ trì thực hiện 09 chương trình trọng điểm cấp Nhà nước về khoa học xã hội với 106 đề tài. Đó là những chương trình có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, làm cơ sở hoạch định đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước từ sau Đại hội VI đến nay. Ngoài ra còn chủ trì thực hiện 24 đề tài độc lập cấp Nhà nước và các đề tài thuộc các chương trình về khoa học xã hội cấp Nhà nước khác; xây dựng và thực hiện 10 chương trình cấp Bộ với hơn 70 đề tài; thực hiện hơn 30 dự án điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội - văn hóa khắp các vùng trong cả nước. Đồng

thời triển khai hàng năm 60-70 đề tài độc lập cấp Bộ, 250-300 đề tài cấp Viện chuyên ngành, bổ sung cho các hướng nghiên cứu chủ yếu, phục vụ các yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Từ Đại hội VI tới nay, Viện Khoa học xã hội Việt Nam còn được giao nhiệm vụ tham gia xây dựng những văn kiện các kỳ Đại hội và các Hội nghị Trung ương. Một số chuyên gia đầu ngành của Viện được mời tham gia các Tổ biên tập Văn kiện các kỳ Đại hội, tham gia xây dựng Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong từng giai đoạn. Những báo cáo chuyên đề và những kiến nghị đóng góp của Viện được Ban chuẩn bị Văn kiện các kỳ Đại hội đánh giá tốt. Trong 5 năm gần đây, trước yêu cầu mới của sự nghiệp đổi mới đất nước, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã xây dựng các đề án sau đây trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ: *“Những nhiệm vụ chủ yếu của công tác lý luận trong tình hình mới (báo cáo chuyên đề phục vụ Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 5 khóa IX)”*; *“Những nhiệm vụ của khoa học xã hội và nhân văn 10 năm đầu thế kỷ XXI”*; *“Quy chế dân chủ nhằm mở rộng dân chủ, phát huy tự do sáng tạo để khai thác mọi tiềm năng trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về khoa học xã hội theo luật khoa học và công nghệ”*; *“Đề án Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội, tổng kết thực tiễn, xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa”*; *“Ngoài ra còn xây dựng một số chuyên đề và kiến nghị về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, góp phần hoạch định chính sách ổn định tình hình kinh tế - xã hội các vùng này”*.

Để góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới của Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã tập trung lực lượng xây dựng và thực hiện một số chương trình và đề tài độc lập cấp Bộ như *“Bối cảnh quốc tế và sự lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2010”* (2001-2002) *“Bối cảnh quốc tế và sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn”* (2002-2003); *“Hợp tác khoa học giữa Viện Hàn lâm khoa học Nga và Viện Khoa học xã hội Việt Nam”* (2001-2004); *“Cộng đồng ASEAN, cơ sở hình thành, triển vọng và phản ứng chính sách của các nước trong khu vực”* (2006-2008). Đồng thời tập trung nghiên cứu xu hướng phát triển mới của thế giới và khu vực từ nay đến năm 2020; những động thái phát triển và cạnh tranh mới trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, Đông Á và ASEAN; phân tích, dự báo và đánh giá tác động của các yếu tố bên ngoài đến tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam từ nay đến năm 2020. Trên lĩnh vực về quốc tế và khu vực thời gian qua cũng đã có nhiều công trình khoa học được công bố. Các kiến nghị, đề xuất từ kết quả nghiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách đối ngoại, nhất là chính sách kinh tế của Việt Nam

trong quá trình chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực, như gia nhập ASEAN, AFTA, WTO, v.v...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu và các kiến nghị khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam thể hiện rõ quan điểm gắn lý luận với thực tiễn, tiến hành công tác nghiên cứu lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn sinh động của đất nước trong quá trình đổi mới. Vấn đề này đã trở thành quan điểm chỉ đạo xuyên suốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện thời gian qua, đặc biệt là từ thời kỳ Đổi mới đến nay.

Bên cạnh các nhiệm vụ nghiên cứu và đào tạo, Viện Khoa học xã hội Việt Nam cũng ngày càng phát triển và *không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác và hội nhập quốc tế*. Trước những năm 1990, Viện chủ yếu hợp tác với Viện Hàn lâm Khoa học các nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô (cũ), Ba Lan, Cộng hòa dân chủ Đức, Bungari, Hungari, Tiệp Khắc v.v... nhưng thời kỳ này hợp tác mang tính chất “một chiều” do Việt Nam còn khó khăn về kinh phí, ít có điều kiện đề xuất đa dạng hóa các hình thức hợp tác song phương, đa phương.

Giai đoạn từ sau năm 1990 đến nay, việc hợp tác và hội nhập quốc tế của Viện Khoa học xã hội Việt Nam ngày càng nhiều thuận lợi rất cơ bản do đường lối đối ngoại đổi mới của Đảng ta chủ trương: *Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*. Hơn nữa, do những thành tựu rất cơ bản và to lớn mà nhân dân ta đã đạt được trong công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trên thế giới. Hoạt động hợp tác quốc tế của Viện *triển khai trong giai đoạn này theo hướng duy trì và ngày càng mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan khoa học, trường đại học, tổ chức quốc tế danh tiếng trên thế giới*. Trong đó ưu tiên thực hiện các Hiệp định hợp tác với các Viện Hàn lâm khoa học vốn có quan hệ truyền thống; đồng thời tăng cường ký kết các Hiệp định hợp tác mới và khai thác các nguồn tài trợ của các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, EU, Italia, Pháp, Đức, Anh, Đan Mạch, Thụy Điển, Canada, Trung Quốc, Ấn Độ, Ôxtrâylia, v.v... đặc biệt là các nước trong khu vực Đông Nam Á, các nước ASEAN, các nước láng giềng Lào, Campuchia, các tổ chức quốc tế như WB, UNDP, UNICEF, v.v... và nhiều tổ chức phi Chính phủ thuộc nhiều nước trên thế giới.

Trên cơ sở quan hệ hợp tác trong giai đoạn mới, nhiều nước và quỹ quốc tế đã hợp tác, tài trợ cho Viện Khoa học xã hội Việt Nam về nghiên cứu và đào tạo cán bộ. Chỉ riêng Nhật Bản đã có 7-8 quỹ hợp tác, tài trợ... Nhiều công trình lớn có giá trị tư liệu, học thuật trong lĩnh vực Hán Nôm, Văn hóa, Lịch sử của Viện đã được công bố nhờ quan hệ hợp tác với phía Nhật Bản. Tính đến nay, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã có quan hệ hợp tác với hơn 50 nước, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế trên thế giới. Vì thế đã góp phần tích cực cho việc *đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, phát huy nội lực của các tổ chức khoa học xã hội ở trong nước, tạo điều kiện hàng năm có hàng trăm*

lượt cán bộ khoa học của Viện ra nước ngoài học tập, nghiên cứu, trao đổi khoa học, tiếp cận với tri thức, lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu mới. Đồng thời đón hàng trăm lượt các nhà khoa học của thế giới vào trao đổi, ký kết hợp tác, hội thảo khoa học, thực hiện các công trình hợp tác với Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Đó là những thuận lợi rất quan trọng nhằm góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, nâng cao năng lực nội sinh và hội nhập của các tổ chức khoa học xã hội của Viện trong điều kiện hiện nay; đồng thời góp phần giới thiệu những thành tựu khoa học xã hội Việt Nam và sự nghiệp đổi mới đất nước ta với cộng đồng quốc tế.

*Về hình thức và nội dung hợp tác quốc tế của Viện Khoa học xã hội Việt Nam cũng rất đa dạng phong phú. Ngoài hình thức hợp tác cùng nhau thực hiện đề tài, công trình khoa học, khảo sát thực tiễn, tổ chức hội thảo khoa học, còn có hình thức hợp tác trao đổi học giả, mở lớp đào tạo, tập huấn chuyên đề, trao đổi thông tin, sách báo, v.v... Nội dung hợp tác cũng ngày càng đi vào chiều sâu trên nhiều lĩnh vực khoa học xã hội cũng như đời sống kinh tế - xã hội đất nước của các bên đối tác. Chẳng hạn, hợp tác với Viện Hàn lâm khoa học Nga có các chương trình lớn: *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn của Nga và Việt Nam (2001-2004); về quan hệ Nga - ASEAN những thập niên đầu thế kỷ XXI (2005-2006); những vấn đề về kinh tế thị trường, vai trò quản lý của nhà nước, quan hệ quốc tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2006-2010)*. Hợp tác với Viện Khoa học xã hội Trung Quốc và các Viện Khoa học xã hội thành phố Thượng Hải, các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông, Thiểm Tây, Tứ Xuyên (Trung Quốc) từ năm 1991 đến nay với nhiều nội dung như: *chủ nghĩa xã hội: tính phổ biến và tính đặc thù, chủ nghĩa xã hội - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc; nghiên cứu so sánh đổi mới kinh tế của Việt Nam và cải cách kinh tế của Trung Quốc; nghiên cứu hai hành lang - một vành đai và triển vọng hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc; nghiên cứu vấn đề tam nông trong quá trình đổi mới ở Việt Nam và cải cách ở Trung Quốc, v.v...* Hợp tác với các cơ quan khoa học của Mỹ như Viện nghiên cứu Ngôn ngữ Đông Nam Á mùa hè Hawaii (SEASSI), Hội đồng khoa học Mỹ, Ủy ban hợp tác khoa học với Việt Nam của Mỹ (US Committee), Trung tâm trao đổi giáo dục Mỹ, trong đó chủ yếu với các trường đại học Michigan, Đại học Cornell và Đại học Washington về *trao đổi học giả, hội thảo khoa học* về các lĩnh vực văn học, ngôn ngữ học, lịch sử, khảo cổ học, kinh tế, triết học, thư viện, v.v... Hợp tác với các nước Tây - Bắc Âu, đặc biệt là Pháp về *các lĩnh vực khoa học xã hội chuyên ngành như lịch sử, khảo cổ, dân tộc, văn hóa* thông qua các tổ chức khoa học của Pháp như Trung tâm khoa học quốc gia Pháp, Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO), Trường Cao học về khoa học xã hội Pháp (EHESS)... Từ năm 2005 còn hợp tác sang các lĩnh vực bảo tàng, kinh tế, thông qua các dự án FSP *phát huy và bảo tồn di sản bảo tàng Việt Nam*; dự*

án FSP về hỗ trợ nghiên cứu những thách thức của sự chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam. UNDP hỗ trợ tổng kết 20 năm đổi mới ở Việt Nam, v.v...

Có thể nói, nhờ đẩy mạnh phát triển năng lực nội sinh mà Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã bước đầu có những điều kiện hợp tác và hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng với các nước trong khu vực và trên thế giới. Bởi vậy, nhiệm vụ xây dựng chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế của Viện hiện nay không nằm ngoài mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập khu vực và quốc tế.

II. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, cũng là một trung tâm quốc gia lớn có chức năng đào tạo cán bộ lý luận chính trị cao cấp do Đảng và Nhà nước giao kết hợp nghiên cứu khoa học xã hội, góp phần làm cơ sở hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Đến nay Học viện, đã trải qua 59 năm xây dựng và phát triển, đã hình thành một hệ thống học viện bao gồm Trung tâm học viện và 5 Học viện khu vực trực thuộc rải đều trong cả nước với tổng số cán bộ 2.279 người (tính đến 6/2007). Khi kỷ niệm 55 năm thành lập (1949-2004) Học viện đã có 2001 người, trong đó cán bộ khoa học 1.498 người, chiếm 75% tổng số cán bộ, bao gồm 16 giáo sư, 68 phó giáo sư, 344 tiến sĩ, 440 thạc sĩ, 630 cử nhân. Tỷ lệ cán bộ có học hàm, học vị chiếm 43,3% tổng số cán bộ; nếu tính riêng cán bộ khoa học, tỷ lệ đó đạt trên 51,3%.

Tại Trung tâm Học viện hiện có 17 Viện nghiên cứu và 07 Vụ, Ban và Văn phòng có chức năng quản lý giúp việc Ban Giám đốc Học viện với đội ngũ cán bộ là 870 người, trong đó phần lớn là cán bộ có học hàm, học vị khoa học.

Công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý trung - cao cấp do Đảng và Nhà nước giao là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu mà Học viện phải đảm nhiệm theo Quyết định số 67/QĐ/TW ngày 20/10/1999 của Bộ Chính trị. Xuất phát từ Quy định số 54/QĐ/TW ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII và Nghị quyết Đại hội IX về Chiến lược cán bộ; các quy định của Chính phủ về tiêu chuẩn các ngạch, bậc công chức Nhà nước và điều kiện thi nâng ngạch,... theo đó, cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên, chuyên viên cao cấp, giảng viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp v.v... ngoài những tiêu chuẩn khác phải có trình độ cao cấp lý luận chính trị; đồng thời xuất phát từ thực tiễn công cuộc đổi mới trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang đặt ra những yêu cầu rất cao, cả về số lượng lẫn chất lượng, đặc biệt về bản lĩnh chính trị, tri thức lý luận khoa học và năng lực tổ chức thực tiễn đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của hệ thống chính trị. Bởi vậy, Học viện đã không ngừng mở rộng quy mô và đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu do Đại hội VIII đề ra đối với đội ngũ cán bộ đương chức và dự nguồn cho các chức danh lãnh

đạo của nhiệm kỳ Đại hội IX, Đại hội X của Đảng, nhất là sau khi ban hành Quy định 54/QĐ/TW và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII); Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về “*nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*”; kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về công tác tổ chức cán bộ trong thời kỳ mới. Hàng năm, qua hệ thống đào tạo của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (cả hình thức tập trung và tại chức), hàng chục ngàn cán bộ được đào tạo một cách cơ bản và tương đối có hệ thống những tri thức lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các khoa học chính trị; được rèn luyện về lập trường quan điểm và đạo đức, phong cách; được cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn về nghiệp vụ công tác, từ đó hình thành và nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực quản lý lãnh đạo. Đây là nguồn bổ sung rất quan trọng vào đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, trực tiếp đáp ứng nhu cầu bố trí, sắp xếp về nhân sự trong các kỳ Đại hội IX, Đại hội X ở tất cả các cấp từ huyện đến Trung ương.

Với hai hệ đào tạo cơ bản: dài hạn (đào tạo chính quy), ngắn hạn (cao cấp lý luận chính trị) và hệ bồi dưỡng theo các chuyên ngành thực tiễn lãnh đạo quản lý, trong giai đoạn từ 1999 đến 2004, hệ thống Học viện đã đáp ứng về cơ bản yêu cầu từng bước thực hiện quy hoạch cán bộ chủ chốt của các ban, ngành Trung ương và địa phương. Kết quả đã đào tạo đại học chính trị (kể cả hoàn chỉnh) là 11.261 học viên, cao cấp lý luận chính trị là 44.403 học viên, bồi dưỡng chuyên ngành và đường lối chính sách là 5.235 học viên, tổng cộng cả hệ thống là 60.899 học viên. Ngoài ra, Học viện còn đào tạo được hai lớp về tư tưởng Hồ Chí Minh để cung cấp giáo viên cho các trường đại học và cao đẳng của cả nước với 231 học viên. Đào tạo cho Đảng Nhân dân cách mạng Lào 289 học viên thuộc cả hai hệ Đại học Chính trị và Cao cấp lý luận chính trị.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo theo hướng bám sát Cương lĩnh, Chiến lược và đường lối chính sách của Đảng; cập nhật thông tin về sự biến động mang tính toàn cầu trên mọi lĩnh vực khoa học - công nghệ, kinh tế - chính trị, văn hóa, xã hội; tăng cường trí thức thực tiễn thông qua tổng kết kinh nghiệm đổi mới của đất nước ta, Học viện đã ban hành bộ chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của hệ thống chính trị áp dụng thống nhất cho toàn hệ thống Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Công tác nghiên cứu khoa học của Học viện cũng không kém phần quan trọng. Từ năm 2001 đến năm 2005, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện 01 chương trình cấp Nhà nước về khoa học xã hội: “*Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”; 03 đề tài độc lập cấp Nhà nước, 06 chương trình tổng kết thực tiễn, 226 đề tài khoa học cấp Bộ và cơ sở, trong đó đề tài cấp Bộ là 185 đề tài. Nhiều cán bộ khoa học thuộc Trung tâm Học viện và các Học viện khu vực được giao làm

chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước trong các chương trình, đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước đã đem lại những kết quả đáng khích lệ.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học được công bố trên các tạp chí thông qua hàng ngàn bài báo; đã xuất bản trên 100 cuốn sách của tập thể và cá nhân sau khi nghiệm thu các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và cơ sở. Nội dung nghiên cứu của hệ thống đề tài nói trên hết sức phong phú, đa dạng, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy, hợp tác quốc tế khu vực và thế giới. Các chương trình đề tài tổng kết thực tiễn như: *Một số vấn đề về con đường phát triển của nông nghiệp và nông thôn ở nước ta (qua kinh nghiệm một số mô hình thực tiễn)*; *“Khảo sát về mô hình các doanh nghiệp nhà nước trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”*; *“Tổng kết việc thực hiện chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng và Nhà nước ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ”*; *“Tổng kết chính sách của Đảng về mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp”*, đã hoàn thành tốt mục tiêu, nội dung tổng kết, góp phần khẳng định những chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc và tôn giáo, phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn hiện nay, quan hệ nông nghiệp và công nghiệp; đồng thời chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục đối với những vấn đề trên đã được lãnh đạo Đảng và Nhà nước đánh giá cao.

Bên cạnh đó, Học viện còn thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Ban Bí thư giao về tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 20 năm Đổi mới, với 02 chương trình: *“Tổng kết quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta từ năm 1986 đến nay”*; *“Tổng kết công tác nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới”* đã tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn nổi bật trong những năm đổi mới của đất nước, qua đó đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng những giải pháp và kiến nghị về những nội dung liên quan đến việc hoàn thiện các chủ trương, chính sách, biện pháp của Đảng và Nhà nước. Các sản phẩm nghiên cứu của các chương trình tổng kết này đã góp phần luận giải và làm sáng tỏ hơn những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong việc hoạch định đường lối, chủ trương và chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Song song với việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, công tác nghiên cứu, hệ thống hóa các tư liệu lịch sử về các cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Xứ ủy Trung ương Cục miền Nam, Lịch sử đấu tranh cách mạng nhà tù Côn Đảo, cuộc đời và sự nghiệp của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta (Nguyễn Ái Quốc, Tôn Đức Thắng, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh,...) đã hoàn thiện về cơ bản các bộ lịch sử quý về cách mạng Việt Nam, các lãnh tụ của Đảng và là cơ sở cho việc nâng cao chất lượng biên soạn hệ thống giáo trình, giáo khoa, bài

giảng của Học viện thông qua đó nâng cao trình độ khoa học cho đội ngũ cán bộ giảng viên phục vụ công tác đào tạo đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước.

Ngoài ra còn có rất nhiều chuyên đề khoa học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đã được Bộ Chính trị trực tiếp giao cho các nhà khoa học của Học viện chuẩn bị về mặt nội dung, báo cáo tọa đàm trước Bộ Chính trị phục vụ cho việc soạn thảo Nghị quyết, chính sách lớn.

Trong giai đoạn 2006-2010 hiện nay, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tiếp tục được Nhà nước giao chủ trì thực hiện 01 Chương trình khoa học cấp Nhà nước về khoa học xã hội “*Quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*”; 03 đề tài độc lập cấp Nhà nước: “*Luận cứ và giải pháp phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số nước ta đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”; “*Vấn đề tái định cư trong các dự án phát triển ở vùng kinh tế trọng điểm vùng Trung Bộ: Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong quản lý phát triển xã hội*”; “*Chính sách Nhà nước đối với nông dân trong điều kiện thực hiện các cam kết của WTO*”. Đây là những chương trình, đề tài nghiên cứu có ý nghĩa lý luận cũng như thực tiễn to lớn, góp phần quan trọng vào việc hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội đất nước ta trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng hơn.

Đi đôi với việc nghiên cứu các vấn đề ở trong nước, hệ thống đề tài hợp tác quốc tế của Học viện cũng được tăng lên rõ rệt. Đó là xu thế khách quan, phù hợp với chủ trương mở cửa hội nhập của Đảng, Nhà nước ta trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Tính đến thời điểm hiện nay, Học viện đã quan hệ hợp tác với trên 60 đối tác quốc tế bao gồm các đối tác truyền thống như Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào, Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản CuBa,... và các đối tác mới là những trường đại học, các viện nghiên cứu danh tiếng như Trường quản lý Nhà nước John F. Kennedy thuộc Đại học Harvard, Trường Maxwell thuộc Đại học Syracuse, Đại học Kinh tế - Chính trị Luân Đôn, Đại học quốc gia Ôxtrâylia, Trường Đào tạo công chức Thái Lan, Trường Hành chính công Lý Quang Diệu, Viện Đào tạo Quan chức Trung ương Hàn Quốc, Viện Nhân sự Nhật Bản,... và nhiều tổ chức viện trợ phát triển của các chính phủ trên thế giới. Chỉ tính riêng từ năm 2000 đến 2005, Học viện đã thực hiện 20 dự án hợp tác quốc tế với tổng giá trị nhiều triệu đô la Mỹ, trong đó đáng chú ý là các dự án: *Nghiên cứu về chính sách công; Nghiên cứu các trào lưu xã hội dân chủ; Toàn cầu hóa và chính sách hội nhập của Việt Nam; Kinh nghiệm khai thác các nguồn lực của Nhật Bản; Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; Hỗ trợ tuyên truyền vận động về dân số và phát triển; Hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy, v.v...*

Giai đoạn 2006-2010 hiện nay, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh đã hợp tác với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào thực

hiện các đề tài độc lập cấp Nhà nước theo Nghị định thư “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Lào*”; đề tài “*Nghiên cứu những cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo quản lý cho một số đảng bạn, nước bạn*” theo tinh thần Nghị quyết 52/NQ-TW ngày 30/7/2005 và quyết định 149/QĐ-TW ngày 5/8/2005 của Bộ Chính trị (Hai bên hợp tác khảo sát, làm việc với các cơ quan có liên quan của Lào, đánh giá thực trạng, nhu cầu của Bạn để xây dựng khung chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của Đảng và Nhà nước Lào). Ngoài ra còn có *chương trình hợp tác dịch các tác phẩm kinh điển (C.Mác, Ph.Anghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh) ra tiếng Lào* và hợp tác nghiên cứu và tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, nhất là những vấn đề liên quan đến khoa học xã hội giữa hai nước Việt Nam và Lào cũng rất được quan tâm.

Trong những năm gần đây, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh đã có bước tiến mới về công tác tổ chức nghiên cứu và đào tạo cán bộ, vì vậy đã nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lý luận của Đảng và Nhà nước. Thực tế kết quả nghiên cứu hệ thống đề tài, nhiệm vụ khoa học của Học viện đã *góp phần bảo vệ phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; hình thành các luận cứ khoa học hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước*. Nhiều kiến nghị của Học viện gửi các cấp lãnh đạo có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước đã làm sáng tỏ hơn những nội dung cơ bản của một số vấn đề lý luận - thực tiễn đặt ra trong các Nghị quyết Trung ương như kinh tế hợp tác, vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vai trò chủ đạo của doanh nghiệp Nhà nước trong giai đoạn hiện nay; quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp; vấn đề dân chủ và triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở; vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong điều kiện mở cửa, hội nhập; vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; vấn đề chính đốn, xây dựng Đảng trong công cuộc đổi mới, v.v...